TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **727**/2017/HNGĐ-ST,
Ngày: 29/9/2017,
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Bích Thuận,

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:* không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 386/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Lê H, sinh năm: X; địa chỉ: H, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: ông Bùi Ngọc C, sinh năm: Y; địa chỉ: B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: H, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Lê H và bị đơn ông Bùi Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có con chung là trẻ Bùi U, nam, sinh ngày 12/9/2014.

Sau khi đăng ký kết hôn, giữa nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn về quan điểm và nhận thức về lối sống. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với ông Bùi

Ngọc C; trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Bùi U, nam, sinh ngày 12/9/2014; không có tài sản chung; không có nợ chung.

* Bị đơn ông Bùi Ngọc C trình bày: bản thân đôi khi vì công việc nên có về nhà trễ; về nghĩa vụ làm chồng, làm cha, ông C thực hiện đầy đủ, chăm sóc con tốt, luôn thương yêu vợ con nên đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng để ông yên tâm công tác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vào ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự, nhưng không thành nên Tòa án đã lập biên bản hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê H thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà Nguyễn Lê H và ông Bùi Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 216, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/11/2009; hiện nay bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn trong vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi Ngọc C không có yêu cầu phản tố.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Lê H và ông Bùi Ngọc C có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn thì trong quan hệ hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do nhận thức của hai vợ chồng có khác nhau.

Hội đồng xét xử xét, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ - chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, theo trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là vụn vặt, từ những mâu thuẫn vụn vặt dẫn đến mâu thuẫn lớn. Bị đơn trình bày, thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, bị đơn yêu thương yêu vợ con, thường xuyên đưa đón con đi học vì vợ hay đi công tác các Tỉnh, Thành phố khác; trong cuộc sống hôn nhân, bị đơn không có lỗi lầm gì. Việc bị đơn có về nhà trễ hoặc không theo trật tự nhất định là có thật vì nhu cầu công tác, không thể về nói thật với vợ được vì bí mật công tác; thực tế hai vợ chồng vẫn cùng chung sống một nhà, cùng chăm lo giáo dục con chung; về thời gian bị đơn cam kết sẽ sắp xếp để có thời gian nhiều hơn để quan tâm đến vợ hơn.

Nguyên đơn thừa nhận bản thân thường đi công tác các Tỉnh, Thành phố khác, trong thời gian công tác thì bị đơn ở nhà là người chăm sóc, giáo dục con chung vì cha, mẹ hai bên đều già yếu, bệnh tật; thực tế mâu thuẫn là do nguyên đơn thường đi làm thêm vào cả ngày nghỉ cuối tuần, mục đích để có thêm điều kiện kinh tế, giúp con đủ điều kiện phát triển đầy đủ về vật chất, tinh thần, nên phần nào cũng chưa quan tâm đến chồng, con.

Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa bà H và ông C không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chủ yếu mâu thuẫn là do công việc nên giữa nguyên đơn và bị đơn chưa có thời gian chăm sóc lẫn nhau, ngoài ra hai bên không có mâu thuẫn gì; do vậy trường hợp của bà H và ông C chưa đủ điều kiện được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, nên không xem xét giải quyết về quan hệ con chung, về tài sản chung và về nợ chung.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: bà Nguyễn Lê H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Nguyễn Lê H đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khỏan 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản II.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê H đối với ông Bùi Ngọc C.

Bà Nguyễn Lê H và ông Bùi Ngọc C có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, nên không xem xét giải quyết về quan hệ con chung, về tài sản chung và về nợ chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Lê H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Lê H đã tạm nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0004380, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: bà Nguyễn Lê H, ông Bùi Ngọc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nam Hải